TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2018
V/v tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xươnne.
2. Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên toà: Ông Quách Văn Diễn-Thư ký Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 26/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn N, sinh năm 1968 và bà Lê Thị Hồng S, sinh năm 1964, cùng địa chỉ: Số *, ấp M T, xã N, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (đều có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phan Văn P, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967 (đều vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Phan Thị T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ Số **, ấp Đ A, xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:* Ông Đặng Hồng Đ, sinh năm 1958, địa chỉ ấp M T, xã N, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2017, các biên bản hoà giải ngày 13/11/2017, 06/02/2018 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết, nguyên đơn vợ chồng ông Lê Văn N, bà Lê Thị Hồng S thống nhất trình bày:*

Con của ông, bà là anh Lê Anh Đ, sinh năm 1987, có vợ là chị Phan Thị T, sinh năm 1988, vợ chồng anh Đ1, chị T có 01 người con chung tên là Lê Phan Gia B, sinh ngày 18/10/2015. Vào tháng 11/2015, anh Đ1 bị bệnh chết, để lại cháu Lê Phan Gia B cho mẹ cháu nuôi dưỡng. Tháng 9/2017, bà T có chồng đi nước ngoài, để lại cháu B cho ông Phan Văn P và bà Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng (ông, bà ngoại của cháu B). Ông, bà có đến thăm và đòi rước cháu B về nuôi, nhưng ông P không đồng ý và còn chửi mắng. Ông, bà có yêu cầu địa phương hòa giải nhưng không thành.

Nay ông, bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phan Văn P, bà Nguyễn Thị Đ phải chấm dứt hành vi ngăn cản vợ chồng ông, bà trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Phan Gia B, theo Khoản 1 Điều 104 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

**Theo hai biên bản hoà giải ngày 13/11/2017, 06/02/2018 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết, bị đơn vợ chồng ông Phan Văn P, bà Nguyễn Thị Đ thống nhất trình bày:*

Ông, bà không có hành vi ngăn cản vợ chồng bà Lê Thị Hồng S, ông Lê Văn N thăm nom, chăm sóc cháu Lê Phan Gia B, từ trước đến nay ông, bà cho vợ chồng bà S, ông N thăm nom hàng ngày, cho khi rước cháu B về nhà đến 16 giờ thì trả lại. Hiện nay, ông, bà cũng cho thăm nom, chăm sóc cháu B, nhưng không cho rước cháu B về nhà nữa, lý do vợ chồng bà S, ông N lên nhà ông, bà quậy, đòi chở cháu B về nhà nuôi luôn. Còn sau này, khi cháu B lớn lên có ý định ở với bên nào do cháu B quyết định, lựa chọn.

Ông, bà không có hành vi ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc cháu B, cho nên không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà S, ông N.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Phan Thị T trình bày:* Hiện nay, chị là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phan Gia B. Chị không có hành vi ngăn cản ông Lê Văn N, bà Lê Thị Hồng S thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Gia B. Ý kiến của chị cũng thống nhất với ý kiến của cha, mẹ là ông Phan Văn P, bà Nguyễn Thị Đ nêu trên, con ruột của chị thì chị nuôi, chứ không giao cho người khác nuôi.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn chấm dứt hành vi ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Phan Gia B, sinh ngày 18/10/2015 (là cháu nội của các nguyên đơn), căn cứ vào Khoản 2 Điều 11 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 104 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 8 Điều 28 và điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, yêu cầu khởi kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[2] Tại phiên toà, đương sự là các ông, bà Nguyễn Thị Đ, Phan Văn P và Phan Thị T đều vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Người làm chứng ông Đặng Hồng Đ cũng vắng mặt, nhưng có lời khai được Toà án thu thập, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng họ.

- Về nội dung:

[3] Vợ chồng ông Lê Văn N, bà Lê Thị Hồng S khởi kiện vợ chồng ông Phan Văn P, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu phải chấm dứt hành vi ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Phan Gia B, theo Khoản 1 Điều 104 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ngược lại, vợ chồng ông P, bà Đào không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện này, vì cho rằng không có hành vi ngăn cản.

[4] Toà án có văn bản yêu cầu vợ chồng ông N, bà S cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, theo công văn số 521/CV-TA, ngày 30/11/2017, nhưng họ cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh.

[5] Theo các biên bản xác minh ngày 10/01/2018, ông Phạm Văn Th-Trưởng Ban nhân dân ấp Đ và ông Nguyễn Việt D-Phó Bí thư Chi bộ ấp Đ, đều cho rằng: Vợ chồng ông P, bà Đào không có hành vi ngăn cản vợ chồng ông N, bà S thăm nom, chăm sóc cháu Lê Phan Gia B. Hơn nữa, hiện nay cháu Gia B được mẹ ruột là chị Phạn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với lời trình bày của chị T nêu trên.

[6] Theo lời trình bày của người làm chứng ông Đặng Hồng Đ (bút lục 30): Vào ngày 30/11/2017, ông chạy xe ôm chở ông N đến nhà ông P xin rước cháu nội Lê Phan Gia B về nhà chơi. Ông có nghe ông P trả lời với ông N là: "*nó đi Sài Gòn rồi*", cho nên ông N quay chở ra kêu ông chạy xe về Toà án. Ông xác định ông P không có nói không cho ông N rước cháu B.

[7] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 91 và 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 11 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 104 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N và bà Lê Thị Hồng S, về việc buộc ông Phan Văn P và bà Nguyễn Thị Đ chấm dứt hành vi ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Phan Gia B.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định nêu trên.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, cho nên vợ chồng ông N, bà S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, các điều 91, 93, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 11 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 104 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1) Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn N và bà Lê Thị Hồng S, về việc buộc ông Phan Văn P và bà Nguyễn Thị Đ chấm dứt hành vi ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Phan Gia B, sinh ngày 18/10/2015.

2) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn N và bà Lê Thị Hồng S phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0009345, ngày 20/10/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách. Như vậy, ông N, bà S đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên toà thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

4) Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Vinh Thắng